



Người ký: BỘ CÔNG
THƯƠNG
Tổ chức: BỘ CÔNG
THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5 7 8 1**
/BCT-ATMT

Hà Nội, ngày **27** tháng 7 năm 2026

V/v lấy ý kiến (lần 2) đối với Hồ sơ dự
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-
CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ

Kính gửi:

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2026⁽¹⁾, Bộ Công Thương đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực (Dự thảo Nghị định). Ngày 28 tháng 4 năm 2026, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 2939/BCT-ATMT gửi các Bộ, ngành, UBND các tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan lấy ý kiến (lần 1) đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định. Căn cứ nội dung dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Luật Điện lực năm 2024⁽²⁾, các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, các ý kiến của các thành viên Tổ soạn thảo Nghị định⁽³⁾, Bộ Công Thương đã hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Công Thương đề nghị Quý đơn vị nghiên cứu, có ý kiến lần 2 đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định. Hồ sơ dự thảo Nghị định được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, địa chỉ: <http://www.moit.gov.vn>.

Văn bản góp ý của Quý đơn vị đề nghị gửi về Bộ Công Thương (thông qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, 25 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Hà Nội) **trước ngày 10 tháng 8 năm 2026**./

(Thông tin chi tiết liên hệ: Ông Cao Hoàng Anh, chuyên viên chính, phòng An toàn điện và đập, e-mail: anhch@moit.gov.vn; số điện thoại: 0915.618635)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đơn vị: VPB; PC; DL (để góp ý);
- Báo Công Thương (để đăng tải hồ sơ);
- Lưu: VT, ATMT (Anhch).

(Tài liệu mời quét mã QR)



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Thanh Hoài

⁽¹⁾ Chương trình được ban hành tại Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽²⁾ Dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 380/BCTĐ-BTP ngày 07/7/2026 và đã được Bộ Công Thương tiếp thu, giải trình và hoàn thiện tại Văn bản số 5442/BCT-ĐL ngày 14/7/2026.

⁽³⁾ Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định được Bộ Công Thương thành lập tại Quyết định số 427/QĐ-BCT ngày 09 tháng 3 năm 2026.



DANH SÁCH

Các cơ quan, tổ chức gửi lấy ý kiến

I. Cơ quan, tổ chức

1. Văn phòng Chính phủ;
2. Bộ Ngoại giao;
3. Bộ Tài chính;
4. Bộ Tư pháp;
5. Bộ Quốc phòng;
6. Bộ Công an;
7. Bộ Nông nghiệp & Môi trường;
8. Bộ Y tế;
9. Bộ Khoa học và Công nghệ;
10. Bộ Xây dựng;
11. Thanh tra Chính phủ;
12. Viện Hàn lâm, Khoa học Xã hội Việt Nam;
13. Viện Hàn lâm, Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
14. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
15. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố;

II. Các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp

1. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
2. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam;
3. Hiệp hội Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
4. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
5. Hiệp hội Luật gia Việt Nam;
6. Hội đập lớn và Phát triển nguồn nước Việt Nam;
7. Viện Năng lượng;
8. Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

III. Các Doanh nghiệp

Các Tập đoàn:

1. Điện lực Việt Nam;
2. Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
3. Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam;

Các Tổng công ty:

1. Phát điện 1, 2, 3;
2. Điện lực Dầu khí;
3. Điện lực TKV;
4. Điện lực miền Bắc, miền Trung, miền Nam;
5. Truyền tải điện Quốc gia;
6. Công ty cổ phần Năng lượng BITEACO;
7. Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1;
8. Tập đoàn Hà Đô;
9. Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây dựng Trung Nam;
10. Tổng công ty Sông Đà;
11. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1;

12. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 2;
13. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 3;
14. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 4;
15. Tổng công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – Vinaconex.

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Dự thảo
20/7/2026

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2026, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 27-NĐ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ “*tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững*”. Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó, xác định quan điểm chỉ đạo “*Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con só”, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước*”.

Trong bối cảnh tiếp tục đẩy mạnh cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản chỉ đạo về hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động

của các cơ quan trong hệ thống chính trị⁽¹⁾

- Thực hiện quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội khóa XV đã ban hành nghị quyết số 190/2025/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 02 năm 2025.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại (Nghị định số 146/2025/NĐ-CP), có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025, trong đó Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện². Do đó, một số nội dung của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để thể chế hóa phân cấp, phân quyền tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Ngày tháng..... năm 2026, Quốc hội Khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, trong đó bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết về cấm mốc giới hành lang bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2025/NĐ-CP để bổ sung nội dung này.

2. Cơ sở thực tiễn

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình trên địa bàn 2 tỉnh trở lên từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, Nghị định 146/2025/NĐ-CP không quy định cụ thể thuộc thẩm quyền của tỉnh nào phê duyệt, dẫn đến những vướng mắc trong việc thực thi tại địa phương. Do đó, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cần có những sửa đổi, bổ sung để làm rõ thẩm quyền phê duyệt của các địa phương.

- Ngoài ra, quá trình triển khai Nghị định số 62/2025/NĐ-CP đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn như: quy định về trách nhiệm chặt tỉa cây trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; quy định về xử lý sự cố, tai nạn điện; quy định về thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên; nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập,

⁽¹⁾ Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Kết luận số 121-KL/TW) đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: “Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng”; “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền” và “Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 (Kết luận 126-KL/TW), kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

² Bộ Công Thương được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân quyền 7 nhiệm vụ, quyền hạn tại Luật Điện lực và phân cấp 3 nhiệm vụ, quyền hạn (theo Điều 25 và Điều 26 của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP).

hồ chứa thủy điện trước mùa lũ hằng năm...

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng *Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực* (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định) để thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng, phù hợp, thống nhất giữa các quy định pháp luật, phù hợp với các nội dung đã được phân cấp và sửa đổi tại Luật số 2026/QH16 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Điện lực năm 2024 là rất cần thiết

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Việc xây dựng Dự thảo Nghị định nhằm tiếp tục cụ thể hóa, thực hiện đầy đủ các chủ trương, chỉ đạo của Đảng; bảo đảm phù hợp với Luật Điện lực năm 2024 và được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Luật số .../2026/QH16, thống nhất với các văn bản khác có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời của hệ thống pháp luật.

- Sửa đổi một số điều giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số nội dung, cũng như biểu mẫu để bám sát chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.

- Tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, minh bạch cho hoạt động về quy định hành lang bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn đập, hồ chứa thủy điện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, tháo gỡ các điểm nghẽn chính sách đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Đảm bảo thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả theo Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

- Đảm bảo thể chế hóa quy định của Đảng về lãnh đạo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương và cấp ủy các cấp trong công tác xây dựng pháp luật; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng pháp luật của Bộ Công Thương góp phần phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định số 178-QĐ/TW, pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo sự phù hợp của Nghị định với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025; Các nghị định hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Cụ thể hóa các quy định của Luật...../2026/QH16 sửa đổi bổ sung một số

điều của Luật Điện lực năm 2024 và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại giao Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện; bảo đảm hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho hoạt động về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Chủ trương và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương theo quy định: Đã được Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 247/QĐ-BCT ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc ban hành Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2026,

2. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định: Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 427/QĐ-BCT ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Nghị định.

3. Xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị định và họp Tổ soạn thảo phân công nhiệm vụ:

- Ngày 07/4/2026, Bộ Công Thương đã họp Tổ soạn thảo để lấy ý kiến đối vớí Dự thảo 0 của Nghị định.

- Ngày 13/7/2026, Bộ Công Thương đã tổ chức họp Tổ soạn thảo lần 2 để thông qua nội dung dự thảo Nghị định đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

- Ngày 20/7/2020, Bộ Công Thương đã lấy ý kiến bằng văn bản góp ý lần 3 của các Thành viên Tổ soạn thảo.

4. Lấy ý kiến đối vớí Hồ sơ dự thảo Nghị định và đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị định lên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

- Ngày 28/4/2026, Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 2939/BCT-ATMT lấy ý kiến các Bộ, ngành, UBND các tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối vớí Hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Dự thảo Nghị định đã được đăng website xin ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

- Ngày .../7/2026 Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản sốBCT-ATMT lấy ý kiến lần 2 gửi các Bộ, ngành, UBND các tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối vớí Hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

5. Hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định sau khi tiếp thu ý kiến.

6. Thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp.

7. Hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định sau thẩm định.

8. Xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi ban hành Nghị định.

9. Trình ban hành Nghị định theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Không thay đổi so với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

2. Bố cục dự thảo Nghị định

Bố cục dự thảo Nội dung Nghị định gồm: 03 Điều và bổ sung 01 Phụ lục

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

+ Sửa đổi, bổ sung 17 Điều trên tổng số 54 Điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

+ Thay thế một số cụm từ tại một số điều, khoản của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

+ Bãi bỏ một số Điều (phân cấp hướng dẫn tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Phụ lục I (quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

- Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Quy định nội dung liên quan đến các thủ tục hành chính trong việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành

+ Quy định về ngày có hiệu lực của Nghị định: sau 45 ngày kể từ ngày ký.

+ Bãi bỏ một số nội dung quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Lý do: để đảm bảo tính thống nhất của hiệu lực văn bản cũng như đối tượng, phạm vi điều chỉnh sẽ triển khai theo quy định Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2024.

- Phụ lục X: Bổ sung quy định về biểu mẫu báo cáo hiện trạng an toàn đập hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh.

3. Nội dung cơ bản

Điều 25 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đã phân quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ tại Luật Điện lực năm 2024 cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 435/TTg-TCCV Ngày 25 tháng 4 năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc “không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại luật, pháp lệnh, nghị quyết, bảo đảm chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà

nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ”. Do đó, Dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2025/NĐ-CP không thể sửa đổi, bổ sung các khoản 5 Điều 67, khoản 10 Điều 68, khoản 9 Điều 69, khoản 3 Điều 74, khoản 7 Điều 75 và khoản 5 Điều 77 theo hướng phân quyền từ Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Công Thương như quy định tại Điều 25 Nghị định 146/2025/NĐ-CP. Chính vì vậy, Bộ Công Thương đề nghị Chính phủ tiếp tục giữ lại các nội dung của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP và bổ sung các điều khoản để Chính phủ phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết, cụ thể:

- Nội dung sửa đổi, hoàn thiện các điều sau của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP:

+ Sửa đổi khoản 3 Điều 5 về bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm (bổ quy định “trước ít nhất 10 ngày” để đảm bảo tính khả thi);

+ Sửa đổi toàn bộ Điều 12 về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực (để ghép các nội dung tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 vào chung thành 1 Điều quy định chung về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực và dẫn chiếu áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện QCVN 27:2025/BCT);

+ Sửa đổi Điều 15 về cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực (để bỏ các quy định chi tiết về khoảng cách an toàn phóng điện do đã được quy định tại QCVN 27:2025/BCT và quy định rõ hơn các trường hợp đơn vị điện lực tham gia chặt tỉa cây trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không);

+ Sửa đổi Điều 20 về sự cố, tai nạn điện (để ghép các nội dung tại Điều 19 thành 1 Điều và giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết)

+ Sửa đổi Điều 23 về huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện (để ghép toàn bộ các điều từ 23 đến 29 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP và giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết);

+ Sửa đổi Điều 30 về phân loại công trình thủy điện để hiện thực hóa việc phân cấp tại Điều 26 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP;

+ Sửa đổi Điều 33, 34, 35 về hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình, phương án (sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ phù hợp với Luật Chính quyền địa phương;

+ Sửa đổi Điều 41 về kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện (để quy định rõ hơn nội dung kiểm định và trách nhiệm phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định).

+ Sửa đổi Điều 43 (để quy định rõ hơn nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện).

+ Sửa đổi Điều 45 để bỏ cấp huyện;

- + Sửa đổi Điều 47 để giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết.
- Nội dung bổ sung mới so với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP:
 - + Bổ sung thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (điểm c khoản 6 Điều 33; khoản 4 Điều 34; khoản 3a Điều 35);
 - + Bổ sung khoản 5, 6 vào sau khoản 4 Điều 36 để quy định chi tiết về cấm mốc giới hành lang bảo vệ công trình điện lực (vì dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điện lực đã bổ sung việc giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều 78);
 - Lược bỏ các Điều sau của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP: Điều 9, 10, 11, 19, 24, 25, 26, 27, 28, 29 (do đã ghép vào các Điều khoản khác của dự thảo Nghị định và giao Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết).
 - Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Đã bổ sung quy định về cấm mốc giới hành lang bảo vệ công trình điện lực để cắt giảm thủ tục hành chính liên quan đến cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện (khi thống nhất mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện chính là mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo pháp luật về tài nguyên nước);
 - Nội dung phân quyền, phân cấp: Đã cụ thể hóa việc phân cấp tại Điều 26 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP: Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục công trình thủy điện quan trọng đặc biệt, công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; Bộ trưởng Bộ Công Thương đã phân cấp cho UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.
 - Vấn đề có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền: Không có.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Đảm bảo nguồn nhân lực

Về cơ bản các nội dung tại dự thảo Nghị Định trong quá trình lấy ý các Bộ ngành, địa phương không có ý kiến đối với nguồn lực để thực hiện các quy định tại dự thảo Nghị định Theo đó, các cơ quan thuộc Bộ Công Thương, UBND các tỉnh, thành phố, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các công tác bảo đảm hành lang an toàn lưới điện và quản lý an toàn công trình thủy điện để đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện.

2. Đảm bảo nguồn tài chính

Nguồn tài chính được bố trí từ ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đảm

bảo an toàn điện khi thực hiện các công việc bảo đảm hành lang và quản lý an toàn công trình thủy điện.

3. Thời gian trình thông qua/ban hành

Dự kiến: trong tháng 10 năm 2026 (có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành Nghị định).

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ):

- Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ bãi bỏ một số điều khoản của Nghị định số 114/2028/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước để tránh việc giao thoa các nội dung quy định liên quan đến an toàn công trình thủy điện tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thủy điện trong việc áp dụng pháp luật.

Lý do: Nghị định số 114/2028/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành nhằm quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi năm 2017 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Khi rà soát các quy định của Luật Thủy lợi thì chủ yếu quy định áp dụng cho công trình thủy lợi và các hoạt động dịch vụ thủy lợi, chỉ có 01 điều (Điều 28) của Luật Thủy lợi có quy định liên quan đến công trình thủy điện (vận hành công trình thủy điện phục vụ thủy lợi). Do đó, việc quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP thiếu cơ sở pháp lý từ Luật. Chính vì vậy, Luật Điện lực năm 2024 đã bổ sung các quy định về an toàn đối với công trình thủy điện và giao Chính phủ quy định chi tiết bằng Nghị định số 62/2025/NĐ-CP.

VIII. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định Quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện, Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu gửi kèm theo:

1. Tờ trình Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện.

2. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện.

3. Các tài liệu khác:

- Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 của Bộ Tư pháp về báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Điện lực về hành lang bảo vệ công trình điện lực và quản lý an toàn công trình thủy điện.

- Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định với Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

- Bảng đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có)

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật.

4. Báo cáo số /BC-BCT ngày / /2026 của Bộ Công Thương tiếp thu, giải trình, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Bảng Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Nghị quyết số /NQ-ĐUB của Ủy ban thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương về việc thông qua nội dung dự thảo Nghị định đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg TT Phạm Gia Túc (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ: TP, TC, KHCN, NNMT;
- VPCP;
- Lưu: VT, ATĐ (Anhch).

BỘ TRƯỞNG

Lê Mạnh Hùng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
08/2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số năm 2024 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số /2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Trước khi thi công các công trình trên mặt đất, trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, chủ đầu tư công trình hoặc đơn vị thi công phải tổ chức khảo sát, xác định vị trí thực tế tuyến cáp, lập biện pháp thi công được đơn vị quản lý vận hành đường cáp điện ngầm thống nhất. Trường hợp khẩn cấp để cứu người, cứu tài sản hoặc phòng chống thiên tai thì được triển khai ngay nhưng phải thông báo cho đơn vị quản lý vận hành và chính quyền địa phương trong thời gian sớm nhất”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm, trạm điện thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

2. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió

a) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc trên không từ cột tháp gió đến trạm điện; hành lang bảo vệ an toàn trạm điện và hành lang bảo vệ đường dây truyền tải, phân phối của công trình điện gió đến điểm đầu nối của công trình điện gió;

b) Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bởi hình bán cầu có tâm là chân cột tháp gió, bán kính bằng chiều cao cột tháp gió cộng chiều dài cánh quạt gió.

3. Căn cứ tình hình phát triển dự án nguồn điện từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về hành lang bảo vệ an toàn đối với các công trình nguồn điện khác.”

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp ở các điểm giao chéo với đường giao thông được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Nhà ở, công trình và các hoạt động trong hoặc gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện. Trường hợp có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất, sở hữu công trình, nhà ở phải phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện các biện pháp khắc phục, đảm bảo an toàn cho công trình điện lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện. Người sử dụng đất, sở hữu cây có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời chặt tỉa cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phòng điện. Đơn vị điện lực có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cây, người sử dụng đất triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình chặt tỉa phần vi phạm;

2. Trường hợp phát hiện cây phát triển có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp thì đơn vị điện lực có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu chủ sở hữu cây, người sử dụng đất

thực hiện chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện.

Trường hợp người sử dụng đất, sở hữu cây không kịp thời chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và giao đơn vị điện lực tiến hành chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện để đảm bảo an toàn hệ thống lưới điện.

3. Trường hợp cây phát triển vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây sự cố cho công trình điện lực thì tùy theo mức độ thiệt hại, chủ sở hữu cây, người sử dụng đất bị xử lý theo quy định của pháp luật;

4. Đơn vị điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý. Kịp thời tổ chức chặt tĩa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện của đường dây dẫn điện trên không trên tuyến đường giao thông đường bộ hoặc cây tại các khu vực chưa xác định được chủ sở hữu cây.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Khắc phục sự cố, tai nạn điện và chế độ báo cáo về an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, tai nạn điện trong quá trình vận hành công trình điện lực.

2. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý, khắc phục, đánh giá nguyên nhân sự cố hệ thống điện theo quy định của pháp luật, cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm và kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện nghiêm trọng đến mức thảm họa thì việc ban bố tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp ứng phó được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sự cố, tai nạn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm phân loại sự cố và quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện

1. Người trực tiếp làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực, thí nghiệm, xây lắp, sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện.

2. Hoạt động huấn luyện an toàn điện được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định. Nội dung huấn luyện gồm huấn luyện lý thuyết và huấn luyện thực hành.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch an toàn điện cho người lao động. Sau khi có kết quả sát hạch đạt yêu cầu, người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn điện cho người lao động.

4. Người sử dụng lao động tiến hành cấp lại thẻ an toàn điện trong trường hợp người lao động làm mất, làm hỏng thẻ.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các nội dung huấn luyện, tổ chức huấn luyện, sát hạch, Bậc an toàn điện, những công việc được làm theo bậc an toàn điện và Thẻ an toàn điện.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 30 như sau:

“b) Bộ Công Thương quyết định danh mục công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện loại lớn, vừa, nhỏ được xây dựng trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 33 như sau:

“2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Bộ Công Thương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 6 Điều 33 như sau:

“b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo trình tự tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

c) Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 33 như sau:

“7. Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày quy trình vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành trình cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng quy trình vận hành đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.”

10. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 34 như sau:

“5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 34 như sau:

“9. Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc khi phương án ứng phó tình huống khẩn cấp không còn phù hợp, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 35 như sau:

“3a. Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

c) Sửa đổi, tên khoản 5 Điều 35 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 35 như sau:

“a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh. Trường hợp công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 35 như sau:

“8. Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc khi phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện không còn phù hợp, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan thẩm quyền được quy định tại khoản 3a Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.”

12. Bổ sung khoản 5, 6 vào sau khoản 4 Điều 36 như sau:

“5. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và bảo đảm kinh phí cấm mốc, bảo trì mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện. Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm, mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện và mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện.

a) Việc cấm mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện được xác định là mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

6. Tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lòng hồ thủy điện phải thực hiện các yêu cầu bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện và không được phép xâm phạm phạm vi bảo vệ đập thủy điện.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 41 như sau:

“5. Nội dung kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo nội dung đề cương được duyệt và các nội dung như sau:

a) Đối với công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu, số liệu quan trắc đập, hồ chứa thủy điện; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và dòng chảy lũ cập nhật; đánh giá an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện (bao gồm: đánh giá an toàn và ổn định công trình theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành); đánh giá công tác quản lý vận hành công trình.

b) Đối với công trình thủy điện vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và dòng chảy lũ cập nhật; đánh giá an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện (bao gồm: đánh giá an toàn và ổn định công trình theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành); đánh giá công tác quản lý vận hành công trình.

c) Xác định đặc trưng vật liệu của kết cấu công trình hiện tại, bao gồm các đặc trưng vật liệu của kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, vật liệu địa phương và nền móng, trên cơ sở số liệu quan trắc hoặc khảo sát bổ sung (nếu cần);

d) Cập nhật dòng chảy lũ, thông số động đất và thông số đặc tính hồ chứa (đối với hồ chứa có nhiệm vụ điều tiết);

đ) Đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị quan trắc đập;

e) Dự báo các thông số và các chỉ tiêu quan trắc để làm cơ sở cho giám sát an toàn và lập Báo cáo an toàn định kỳ hàng năm

g) Kiến nghị các vấn đề cần tiếp tục xem xét liên quan đến an toàn đập.

6. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả kiểm định gửi gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 43 như sau:

“2. Nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

a) Đánh giá tình hình và dự báo khí tượng thủy văn;

b) Kiểm tra, đánh giá an toàn đập: Kiểm tra bằng trực quan và tổng hợp, phân tích số liệu quan trắc đập để đánh giá tình trạng nứt, biến dạng, chuyển vị, ổn định; tình trạng thấm, rò rỉ;

c) Kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống vận hành: tình trạng hoạt động của cửa van, máy đóng mở, thiết bị nâng hạ cửa van, hệ thống giám sát vận hành; tình trạng hệ thống điện vận hành;

d) Đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa hằng năm;

đ) Đánh giá hiện trạng hồ chứa thủy điện, tình hình sạt lở, tái tạo bờ và các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện;

e) Đánh giá kết quả thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm định đập, hồ chứa thủy điện và yêu cầu của các cấp thẩm quyền;

g) Đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa công trình hằng năm.

3. Chế độ báo cáo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước và sau mùa mưa lũ hàng năm

a) Trước mùa mưa lũ hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời gian mùa mưa lũ hằng năm tại các khu vực được xác định theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và khí tượng thủy văn;

b) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời hạn chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, trên cơ sở báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị này gửi Bộ Công Thương;

d) Khi xảy ra tình huống khẩn cấp, sự cố có nguy cơ gây mất an toàn cho công trình đầu mối, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện báo cáo ngay Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn và cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa theo quy định.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 như sau:

“2. Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 47 như sau:

“6. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khung tài liệu bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.”

17. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 51 như sau:

“d) Xây dựng và ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình điện lực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.”

18. Bãi bỏ một số điều khoản tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP như sau:

a) Bãi bỏ các Điều sau: 9, 10, 11, 19, 24, 25, 26, 27, 28, 29.

b) Bãi bỏ các điều khoản sau: điểm a khoản 5 Điều 30; điểm b khoản 7 Điều 34; điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 41; khoản 3, khoản 5 Điều 47; khoản 6 Điều 51.

c) Bãi bỏ Phụ lục I.

19. Thay thế một số cụm từ tại các điều, khoản tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP như sau:

a) Bổ sung từ “người” vào trước cụm từ “thiết bị” tại khoản 10 Điều 2.

b) Bổ sung cụm từ “(như: hình thức thông báo, bao gồm: Thông báo trực tiếp; qua điện thoại; qua hệ thống tiếp nhận thông tin; thông qua chính quyền địa phương.vv)” vào sau cụm từ “thông báo” tại khoản 1 Điều 3.

c) Thay thế từ “Không” tại khoản 2 Điều 3 bằng cụm từ “Tổ chức, cá nhân không được”.

d) Bổ sung cụm từ “các vật dụng như:” vào sau cụm từ “Không lắp đặt” tại khoản 3 Điều 3 .

đ) Thay thế từ “chất tải” tại khoản 4 Điều 3 bằng từ “xả chất thải”.

e) Thay thế cụm từ “khoản 4 Điều 8” tại khoản 3 Điều 4 bằng cụm từ “khoản 1 Điều 8”.

g) Thay thế cụm từ “Điều 15 Nghị định này” tại khoản 4 Điều 4 bằng cụm từ “quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện”.

h) Thay thế cụm từ “thay đổi” tại khoản 7 Điều 4 bằng cụm từ “giảm”.

i) Thay thế cụm từ “điện lực” tại khoản 8 Điều 4 bằng cụm từ “quản lý vận hành”.

k) Thay thế cụm từ “nước” tại điểm đ khoản 1 Điều 7 bằng cụm từ “xăng”.

l) Bổ sung cụm từ “hoặc khóa néo” vào sau cụm từ “khóa đỡ” tại điểm c khoản 5 Điều 8.

m) Thay thế cụm từ “thị xã” tại điểm c khoản 1 Điều 30 bằng cụm từ “đô thị”.

n) Thay thế cụm từ “khoản 1 Điều 47” tại khoản 5 Điều 52 bằng cụm từ “khoản 1 Điều 49”.

o) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 3 Điều 22, điểm b khoản 4 Điều 33 và khoản 3 Điều 44.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 (sau 45 ngày kết từ ngày ký ban hành)

2. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước:

a) Bãi bỏ các điều khoản sau: khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 10; điểm b, d khoản 2 Điều 12; khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 16; khoản 2 và điểm b khoản 5 Điều 17; điểm b khoản 4 và khoản 7 Điều 18; khoản 3 Điều 22; ; khoản 5 Điều 29; .

b) Bỏ cụm từ “Bộ Công Thương” tại điểm c khoản 4 Điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Bỏ cụm từ “thủy điện, hồ chứa thủy điện” tại khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 11; điểm b khoản 6 Điều 17; d) Bỏ cụm từ “Sở Công Thương báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương” tại khoản 5 Điều 13./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cục KTVB & XLVPHC;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng

PHỤ LỤC X
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH
TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO
Số:/...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm...

BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
NĂM

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Khái quát về thủy điện trên địa bàn

- a) Tổng số công trình đang vận hành tính đến thời điểm báo cáo: công trình.
- b) Tổng số công trình đưa vào vận hành trong thời kỳ báo cáo: công trình (tính từ thời điểm lập báo cáo năm trước đến thời điểm lập báo cáo này).
- c) Tổng số công trình có đập, hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh: công trình (trừ công trình sử dụng nước của hồ chứa thủy lợi để phát điện).

2. Tình hình vận hành đập, hồ chứa

- a) Tóm tắt tình hình lũ về hồ chứa so với lưu lượng lũ theo các quy trình vận hành hồ chứa.
- b) Tóm tắt công tác vận hành hồ chứa của chủ sở hữu/tổ chức khai thác đập, hồ chứa.
- c) Đánh giá chung về hiện trạng đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh
- Đối với đập
 - Đối với hồ chứa

3. Tình hình mốc xác định phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa:

- a) Mốc xác định phạm vi bảo vệ đập (số lượng mốc; tình trạng mốc tại thời điểm làm báo cáo; số mốc bị hư hỏng, mất và số mốc được thay thế).

b) Mốc xác định phạm vi bảo vệ hồ chứa (số lượng mốc; tình trạng mốc tại thời điểm làm báo cáo; số mốc bị hư hỏng, mất và số mốc được thay thế).

4. Hiện trạng an toàn đập, hồ chứa

4.1. Kết quả quan trắc đập, hồ chứa

a) Đối với hồ chứa

- Số hồ chứa có hiện tượng sạt lở, tái tạo bờ hồ; tên hồ và tên công trình (nếu có).

- Tình hình xử lý, khắc phục của chủ sở hữu/tổ chức khai thác đập, hồ chứa (nếu có).

b) Đối với đập

- Số đập theo thiết kế có lắp đặt thiết bị quan trắc; số đập được lắp thiết bị quan trắc và số lượng thiết bị được lắp đặt so với thiết kế.

- Tình hình hoạt động của thiết bị quan trắc.

- Công tác quan trắc, xử lý số liệu quan trắc của chủ sở hữu/tổ chức khai thác.

- Đánh giá chung hiện trạng đập (số đập vận hành bình thường; số đập có hiện tượng bất thường và biện pháp kiểm tra, theo dõi, xử lý).

4.2. Kết quả kiểm tra đập, hồ chứa

a) Tình hình thực hiện công tác kiểm tra của chủ sở hữu/tổ chức khai thác và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tóm tắt kết quả kiểm tra đập, hồ chứa.

c) Những khiếm khuyết phát hiện sau kiểm tra, biện pháp xử lý đã áp dụng và kết quả xử lý.

5. Các hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa

a) Số công trình có hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa phải có giấy phép:.....công trình.

b) Tổng số hoạt động thuộc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa phải có giấy phép: hoạt động; ghi rõ từng hoạt động của từng đập, hồ chứa.

c) Số hoạt động phải có giấy phép nhưng chưa có giấy phép theo quy định.

c) Đánh giá chung tình hình các hoạt động đến việc vận hành, quản lý an toàn đập, hồ chứa.

6. Đánh giá và kiến nghị

a) Đánh giá chung hiện trạng an toàn đập, hồ chứa trên địa bàn.

b) Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương (nếu có).

Số: /2026/VBHN-NĐ-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ
công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực**

Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, có hiệu lực từ ngày 04 tháng 3 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.⁽¹⁾

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

⁽¹⁾ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số năm 2024 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số /2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện, bao gồm: Khoản 5 Điều 67; khoản 10 Điều 68; khoản 9 Điều 69; khoản 2 Điều 72; Điều 74; khoản 7 Điều 75; khoản 6 Điều 76; khoản 5 Điều 77; khoản 8 Điều 78.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hoặc được chuyển giao quyền sở hữu công trình thủy điện.

2. Công trình lưới điện là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động truyền tải điện, phân phối điện, hệ thống bảo vệ công trình.

3. Công trình nguồn điện là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát điện, hệ thống bảo vệ công trình.

4. Công trình thủy điện là công trình có nhiệm vụ phát điện, bao gồm: Đập, hồ chứa thủy điện, tuyến năng lượng, nhà máy thủy điện và các công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy điện.

5. Dây bọc là dây dẫn điện được bọc lớp cách điện có mức cách điện tối thiểu bằng điện áp pha của đường dây.

6. Điện áp cao là điện áp danh định trên 01 kV.

7. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện là tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu công trình thủy điện giao thực hiện quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy điện.

8. Hệ thống giám sát vận hành là hệ thống bao gồm thiết bị để kết nối số liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng, tình hình ngập lụt hạ du đập; camera giám sát vận hành công trình và phần mềm hỗ trợ điều hành đập, hồ chứa nước theo diễn biến thực tế.

9. Hồ chứa thủy điện là hồ chứa nước sử dụng để phát điện và cho các mục tiêu khác theo chức năng, nhiệm vụ của công trình.

10. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp là khoảng cách tối thiểu từ phần tử mang điện đến điểm gần nhất của “*người*”⁽²⁾, thiết bị, dụng cụ, phương tiện, công trình, cây, vật thể bay.

(2) Cụm từ “*người*” được bổ sung vào trước cụm từ “*thiết bị*” tại điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày..... tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

11. Khả năng xả lũ là năng lực của công trình xả cho phép xả được lũ ứng với tần suất lũ thiết kế hoặc tần suất lũ kiểm tra mà vẫn đảm bảo an toàn công trình.

12. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, đánh giá an toàn của đập, hồ chứa thủy điện và các công trình có liên quan đến hồ chứa thủy điện thông qua đo đạc, quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

13. Sự cố điện nghiêm trọng đến mức thảm họa là biến động lớn do sự cố điện trên diện rộng gây ra đe dọa hoặc làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục của ngành điện và chính quyền địa phương.

14. Trạm điện là trạm biến áp, trạm cắt, trạm bù, trạm chỉnh lưu.

15. Trạng thái vồng cực đại của dây dẫn điện là trạng thái tính toán dây dẫn khi đồng thời chịu tác động khắc nghiệt nhất của các yếu tố ảnh hưởng như dòng điện qua dây dẫn, nhiệt độ môi trường xung quanh, tải trọng gió.

16. Tuyến năng lượng là tổ hợp các hạng mục từ cửa nhận nước trên hồ chứa thủy điện qua cửa van vào tua bin phát điện đến hết kênh dẫn nước ra khỏi nhà máy thủy điện.

17. Vùng hạ du đập thủy điện là vùng bị ngập lụt khi hồ chứa thủy điện thực hiện xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập.

Chương II BẢO VỆ AN TOÀN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

Điều 3. Quy định chung về bảo vệ công trình điện lực

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo ***“(như: hình thức thông báo, bao gồm: Thông báo trực tiếp; qua điện thoại; qua hệ thống tiếp nhận thông tin; thông qua chính quyền địa phương...)”***⁽³⁾ kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị điện lực khi phát hiện hành vi trộm cắp hoặc tháo gỡ dây néo, dây tiếp địa, trang thiết bị của lưới điện, trèo lên cột điện, vào trạm điện hoặc khu vực bảo vệ an toàn công trình điện khi không có nhiệm vụ.

2. ***“Tổ chức, cá nhân không được”***⁽⁴⁾ sử dụng công trình điện lực vào những mục đích khác khi chưa được sự thỏa thuận của đơn vị quản lý công trình điện lực.

⁽³⁾ Cụm từ ***“(như: hình thức thông báo, bao gồm: Thông báo trực tiếp; qua điện thoại; qua hệ thống tiếp nhận thông tin; thông qua chính quyền địa phương...)”*** được bổ sung sau cụm từ ***“thông báo”*** tại điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁴⁾ Cụm từ ***“Không”*** được thay thế bằng cụm từ ***“Tổ chức, cá nhân không được”*** tại điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

3. Không lắp đặt “*các vận dụng như*”⁽⁵⁾ ăng ten thu phát sóng, dây phơi, giàn giáo, nhà lồng, nhà lưới, biển, hộp đèn quảng cáo và các vật dụng khác tại các vị trí mà khi bị đổ, rơi, văng, rung lắc gây hư hỏng, sự cố công trình điện lực.

4. Tổ chức, cá nhân không đào đất, “*xả chất thải*”⁽⁶⁾ hoặc hoạt động gây sụt lún hoặc có nguy cơ gây sạt lở, lún sụt công trình lưới điện, trạm điện; không đốt nương rẫy, rác thải, vật liệu, sử dụng các phương tiện thi công gây chấn động hoặc có khả năng làm hư hỏng, sự cố công trình điện lực; không bắn, quăng, ném bất kỳ vật gì lên đường dây điện, trạm điện và các công trình điện lực khác.

5. Không thực hiện nổ mìn, mở mỏ; xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất hóa học có khả năng gây ăn mòn hoặc có khả năng làm cháy, gây hư hỏng các bộ phận của công trình điện lực.

6. Phương tiện bay được cấp phép phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình điện lực, không được phép bay vào phạm vi 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 100 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trên không trung áp ra các phía xung quanh, trừ trường hợp phương tiện bay làm nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện được phép theo quy định.

Điều 4. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình lưới điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình lưới điện thuộc phạm vi quản lý bao gồm khu vực thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện.

2. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải có biện pháp chằng néo, gia cố mái của nhà ở, công trình phòng tránh nguy cơ bay vào đường dây dẫn điện trên không; tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình; không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần
Khoảng cách an toàn phóng điện	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

3. Trước khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không

⁽⁵⁾ Cụm từ “*các vận dụng như*” được bổ sung sau cụm từ “*Không lắp đặt*” tại điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁶⁾ Cụm từ “*chất thải*” được thay thế bằng cụm từ “*xả thải thải*” tại điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

theo yêu cầu kỹ thuật tại “**khoản 1 Điều 8**”⁽⁷⁾ Nghị định này. Cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến đơn vị quản lý vận hành lưới điện trước khi cấp phép xây dựng nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn.

4. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải bảo đảm các quy định tại “**quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống điện**”.⁽⁸⁾

5. Chủ sở hữu ao, hồ nơi đường dây dẫn điện trên không điện áp cao đi qua phải có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý vận hành cấm biển cảnh báo và không được câu cá trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không và khu vực có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.

6. Trong phạm vi 1.000 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trung áp ra các phía xung quanh, tổ chức, cá nhân không được thả điều, vật thể bay trừ các thiết bị phục vụ quốc phòng, an ninh và của đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực làm nhiệm vụ kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình.

7. Tổ chức, cá nhân không được đắp đất, xếp các loại vật liệu, thiết bị hoặc đồ phế thải trong hành lang an toàn bảo vệ đường dây dẫn điện trên không làm “**giảm**”⁽⁹⁾ khoảng cách từ dây dẫn điện trên không đến mặt đất tự nhiên hoặc vi phạm khoảng cách an toàn về điện.

8. Khi tiến hành công việc gần hành lang hoặc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp không để thiết bị, dụng cụ, phương tiện vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện công việc áp dụng công nghệ phù hợp hoặc do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh phải có sự thoả thuận bằng văn bản với đơn vị “**quản lý vận hành**”⁽¹⁰⁾ về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết:

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách an toàn phóng điện	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

Điều 5. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành đường cáp điện ngầm trong đất, trong nước có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, lắp đặt dấu hiệu cảnh báo vị trí đường cáp điện

⁽⁷⁾ Cụm từ “**khoản 4 Điều 8**” được thay thế bằng cụm từ “**khoản 1 Điều 8**” tại điểm a khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽⁸⁾ Cụm từ “**Điều 15 Nghị định này**” được thay thế bằng cụm từ “**quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống điện**” tại điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽⁹⁾ Cụm từ “**thay đổi**” được thay thế bằng cụm từ “**giảm**” tại điểm d khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽¹⁰⁾ Cụm từ “**điện lực**” được thay thế bằng cụm từ “**quản lý vận hành**” tại điểm d khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

ngầm. Dấu hiệu cảnh báo phải có kích thước, thông tin và đặt ở vị trí phù hợp để tổ chức, cá nhân nhận biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

2. Trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong vùng nước thủy nội địa không được thực hiện các hoạt động neo đậu tàu thuyền, đánh bắt cá và các hoạt động khác có nguy cơ tác động cơ học đến đường cáp điện ngầm.

3.⁽¹¹⁾ Trước khi thi công các công trình trên mặt đất, trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, chủ đầu tư công trình hoặc đơn vị thi công phải tổ chức khảo sát, xác định vị trí thực tế tuyến cáp, lập biện pháp thi công được đơn vị quản lý vận hành đường cáp điện ngầm thống nhất. Trường hợp khẩn cấp để cứu người, cứu tài sản hoặc phòng chống thiên tai thì được triển khai ngay nhưng phải thông báo cho đơn vị quản lý vận hành và chính quyền địa phương trong thời gian sớm nhất.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất hợp pháp trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong đất phải có biện pháp ngăn chặn các hoạt động sử dụng đất gây tác động đến đường cáp điện ngầm, xả nước thải và các chất ăn mòn khác vào khu vực hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.

5. Việc bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Chủ đầu tư đường cáp điện ngầm trên biển phải tiến hành thiết lập các tín hiệu cảnh báo, các biện pháp bảo vệ và thực hiện thông báo hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải;

b) Trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển, các tổ chức, cá nhân không được đánh bắt cá và các hoạt động tác động đến trầm tích đáy biển. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng về 02 phía của đường cáp điện ngầm, các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm.

Điều 6. Bảo vệ an toàn trạm điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình trạm điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình trạm điện thuộc phạm vi quản lý.

2. Người sử dụng đất, sở hữu cây có trách nhiệm không để nhà ở, công trình, cây trồng trên phần đất của mình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn trạm điện.

3. Trong hành lang an toàn trạm điện không được tập trung đông người, dựng lều quán, buôn bán, để xe, buộc gia súc, trừ trường hợp kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa trạm điện.

4. Nhà ở và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không

⁽¹¹⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không của trạm điện; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

5. Đường ra vào trạm điện có điện áp từ 110 kV trở lên phải bảo đảm cho phương tiện cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy di chuyển khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Bảo vệ an toàn nhà máy phát điện và công trình điện lực khác

1. Yêu cầu chung về bảo vệ an toàn nhà máy điện và công trình điện lực khác

a) Phải được bảo vệ nghiêm ngặt, xung quanh phải có tường rào hoặc biện pháp bảo vệ để ngăn chặn người không có nhiệm vụ vào nhà máy phát điện, công trình điện lực khác; lắp đặt biển báo an toàn điện theo quy định pháp luật;

b) Phòng đặt trang thiết bị điện phải có biển báo khu vực nguy hiểm, đường thoát hiểm, hệ thống chiếu sáng đầy đủ, hệ thống thông gió làm mát thiết bị, cửa thông gió phải có lưới bảo vệ chống sự xâm nhập của các loài động vật;

c) Tùy theo đặc tính kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ của từng loại trang thiết bị điện, phải đặt lưới bảo vệ, vách ngăn và treo biển báo an toàn điện; phải bảo đảm khoảng cách an toàn từ lưới bảo vệ hoặc vách ngăn đến phần mang điện của trang thiết bị và có các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu của môi trường đến hoạt động của trang thiết bị điện;

d) Hệ thống cáp điện trong nhà máy phát điện, công trình điện lực khác phải được sắp xếp trật tự theo chủng loại, tính năng kỹ thuật, cấp điện áp và được đặt trên các giá đỡ. Cáp điện đi qua khu vực có ảnh hưởng của nhiệt độ cao phải được cách nhiệt và đi trong ống bảo vệ;

đ) Hàm cáp, mương cáp phải có nắp đậy kín, thoát nước tốt, bảo quản sạch sẽ, khô ráo. Không được để “*xăng*”⁽¹²⁾, dầu, hóa chất, tạp vật tích tụ trong hàm cáp, mương cáp. Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng điện áp an toàn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật điện và an toàn điện;

e) Các trang thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất trong nhà máy điện và các công trình điện lực khác phải được lắp đặt đúng thiết kế và được kiểm tra nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện và an toàn điện.

2. Công trình điện gió phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định an toàn sau:

a) Chủ đầu tư công trình điện gió có trách nhiệm công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió;

b) Cột tháp gió, tuabin gió phải có tín hiệu cảnh báo hàng không theo quy định pháp luật về hàng không. Cánh quạt gió phải có dấu hiệu nhận biết phù hợp;

⁽¹²⁾ Cụm từ “*nước*” được thay thế bằng cụm từ “*xăng*” tại điểm c khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

c) Đối với công trình điện gió trên biển, chủ đầu tư có trách nhiệm thiết lập, duy trì hệ thống quản lý an toàn bảo đảm kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ hoạt động của công trình điện gió trên biển và thực hiện báo hiệu hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải Việt Nam. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng của cột tháp gió, trạm biến áp, cầu dẫn cáp điện và các hạng mục phụ trợ của công trình điện gió các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn cột tháp gió;

d) Tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước hợp pháp trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện khi triển khai các hoạt động trong phạm vi trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình nguồn điện và có sự thỏa thuận với chủ công trình nguồn điện về các biện pháp bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực và công trình khác

1. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình điện lực, chủ đầu tư công trình xây dựng phải phối hợp với đơn vị điện lực triển khai các nội dung:

- a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho người, công trình xây dựng;
- b) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp hoặc nguy cơ gây hư hỏng công trình điện lực theo hướng dẫn của đơn vị điện lực;
- c) Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình để xảy ra sự cố, tai nạn hoặc hư hỏng công trình điện lực phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự;
- d) Trường hợp chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng không phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện theo điểm b khoản này thì đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thẩm quyền cấp phép xây dựng để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng trạm sạc điện (trừ các thiết bị/trụ sạc điện được lắp đặt vào công trình, hạng mục công trình để phục vụ cho tiện ích công trình và sử dụng cho phương tiện giao thông, các phương tiện, thiết bị khác hoặc sử dụng cá nhân):

a) Chủ đầu tư xây dựng trạm sạc điện có trách nhiệm thiết kế, xây dựng, cải tạo, mở rộng trạm sạc điện đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan; bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của trạm sạc điện hoạt động an toàn; không gây sự cố, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện; không làm ảnh hưởng đến nhà ở, công trình xung quanh; tuân thủ các quy định chung về an toàn điện quy định tại Điều 17 Nghị định này;

b) Đơn vị quản lý vận hành lưới điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu

tư cung cấp hạ tầng kỹ thuật điện an toàn cho trạm sạc điện.

3. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực có khả năng gây ảnh hưởng đến nhà ở, công trình khác thì chủ đầu tư công trình điện lực có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người, nhà ở, công trình khác xung quanh và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người sử dụng đất khi làm hư hỏng đến nhà ở, công trình xung quanh theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Khi đơn vị điện lực khắc phục sự cố hoặc cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình điện lực mà phải triển khai trong khu vực đất thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân khác thì người có quyền sử dụng đất có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị điện lực tiếp cận công trình điện lực để kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố. Đơn vị điện lực có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho người sử dụng đất về kế hoạch sửa chữa, bảo trì định kỳ trước khi thực hiện tối thiểu 05 ngày;

b) Trường hợp kiểm tra, khắc phục sự cố công trình điện lực, đơn vị điện lực được phép tiếp cận ngay hiện trường để khắc phục sự cố, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho người sử dụng đất; nếu không thông báo được cho người sử dụng đất thì phải thông báo chính quyền địa phương gần nhất biết để phối hợp xử lý;

c) Trong quá trình kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố quy định tại khoản này, đơn vị điện lực có trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của người sử dụng đất. Trường hợp gây thiệt hại cho người sử dụng đất thì đơn vị điện lực có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Khi xây dựng, cải tạo nâng cấp đoạn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao vượt qua nhà ở, công trình có người sinh sống, làm việc bên trong; khu vực chợ, quảng trường, bệnh viện, trường học, nơi tổ chức hội chợ, triển lãm, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, bến tàu, bến xe, nhà ga; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được nhà nước xếp hạng, chủ đầu tư, đơn vị điện lực phải tăng cường các biện pháp an toàn điện đối với đường dây theo các quy định sau:

a) Cột phải là cột thép hoặc bê tông cốt thép; hệ số an toàn của cột, xà, móng cột không nhỏ hơn 1,2;

b) Trong một khoảng cột, dây dẫn điện và dây chống sét không được phép có mối nối, trừ dây dẫn điện có tiết diện từ 240 mm² trở lên cho phép có một mối nối cho một dây. Hệ số an toàn của dây dẫn điện, dây chống sét không nhỏ hơn 2,5;

c) Cách điện phải bố trí kép cùng chủng loại và đặc tính kỹ thuật. Dây dẫn điện, dây chống sét nếu mắc trên cách điện kiểu treo phải sử dụng khoá đỡ **“hoặc khóa néo”**⁽¹³⁾ kiểu cố định. Hệ số an toàn của cách điện và các phụ kiện phải đáp ứng đúng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành;

⁽¹³⁾ Cụm từ **“hoặc khóa néo”** được bổ sung sau cụm từ **“khóa đỡ”** tại điểm c khoản 19 Điều 1 Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

d) Khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại đến mặt đất phải bảo đảm khoảng cách an toàn trong bảng sau, trừ trường hợp cải tạo đường dây không có cầu phân xây dựng.

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kv	110 kV	220 kV
Khoảng cách	14 m	15 m	18 m

6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các hiện tượng mất an toàn điện, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện.

7. Đường dây dẫn điện được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo đường dây dẫn điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư/đơn vị quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để thỏa thuận và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đường dây dẫn điện, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến an toàn điện, an toàn cho công trình hạ tầng kỹ thuật.

8. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vi phạm về bảo vệ công trình điện lực và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định của pháp luật.

Điều 9.⁽¹⁴⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 10.⁽¹⁵⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 11.⁽¹⁶⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 12.⁽¹⁷⁾ Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm, trạm điện thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

2. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió

a) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc trên không từ cột tháp gió đến trạm điện; hành lang bảo vệ an toàn trạm điện và hành lang bảo vệ đường dây truyền tải, phân phối của công trình điện gió đến điểm đấu nối của công trình điện gió;

b) Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió

⁽¹⁴⁾ Điều này đã được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽¹⁵⁾ Điều này đã được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽¹⁶⁾ Điều này đã được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽¹⁷⁾ Điều này được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

được giới hạn bởi hình bán cầu có tâm là chân cột tháp gió, bán kính bằng chiều cao cột tháp gió cộng chiều dài cánh quạt gió.

3. Căn cứ tình hình phát triển dự án nguồn điện từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về hành lang bảo vệ an toàn đối với các công trình nguồn điện khác.

Điều 13. Khoảng cách an toàn ở các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường giao thông

1. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường sắt, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng 4,5 m cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn 4,5 m thì chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết.

2. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường sắt dành cho tàu chạy điện, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng 7,5 m cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ không nhỏ hơn chiều cao tĩnh không của đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn khoảng cách quy định tại khoản này thì chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết.

4. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường thủy nội địa, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Phương tiện vận tải thủy khi đi qua điểm giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường thủy nội địa phải bảo đảm chiều cao không vượt quá chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa đó.

Khoảng cách an toàn của đường dây dẫn điện trên không giao chéo với tuyến giao thông đường biển được quy định cho từng trường hợp cụ thể.

5.⁽¹⁸⁾ Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp ở các điểm giao chéo với đường giao thông được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện.

Điều 14. Sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Người sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực có trách nhiệm tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 68 Luật Điện lực.

2.⁽¹⁹⁾ Nhà ở, công trình và các hoạt động trong hoặc gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện - Hệ thống lưới điện. Trường hợp có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất, sở hữu công trình, nhà ở phải phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện các biện pháp khắc phục, đảm bảo an toàn cho công trình điện lực theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Trường hợp hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực chồng lấn với hành lang bảo vệ các công trình khác, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc sau đây:

a) Trường hợp chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường sắt không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực;

b) Trường hợp chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ đường thủy nội địa không được ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện;

c) Đối với công trình điện lực nằm trong phạm vi bảo vệ đề điều theo quy định của Luật Đề điều hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đề điều, việc phân định ranh giới quản lý và sử dụng đất được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí thực hiện theo quy định của pháp luật về đề điều;

d) Trường hợp công trình điện lực đi chung với đường bộ hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường bộ, công trình có sau phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình có trước. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường bộ không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực;

đ) Tại các vị trí công trình điện lực chồng lấn, giao chéo nhau, hành lang an toàn công trình điện lực được xác định theo công trình có cấp kỹ thuật cao hơn; các công trình liền kề nhau được xác định hành lang an toàn công trình theo công trình có cấp điện áp cao hơn.

⁽¹⁸⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026.

⁽¹⁹⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư công trình điện lực lập và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai; quản lý, bảo vệ diện tích đất dành cho dự án và hành lang an toàn của công trình điện lực.

Điều 15. ⁽²⁰⁾ Cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện. Người sử dụng đất, sở hữu cây có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời chặt tỉa cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phòng điện. Đơn vị điện lực có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cây, người sử dụng đất triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình chặt tỉa phần vi phạm;

2. Trường hợp cây phát triển có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp thì đơn vị điện lực có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu chủ sở hữu cây, người sử dụng đất thực hiện chặt tỉa phần vi phạm.

Trường hợp người sử dụng đất, sở hữu cây không kịp thời chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và giao đơn vị điện lực tiến hành chặt tỉa phần cây.

3. Trường hợp cây phát triển vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây sự cố cho công trình điện lực thì tùy theo mức độ thiệt hại, chủ sở hữu cây, người sử dụng đất bị xử lý theo quy định của pháp luật;

4. Đơn vị điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý. Kịp thời tổ chức chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện của đường dây dẫn điện trên không trên tuyến đường giao thông đường bộ hoặc cây tại các khu vực chưa xác định được chủ sở hữu cây.

Điều 16. Điều kiện để nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy và bảo đảm kết cấu an toàn xây dựng;

b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bộ phận công trình lưới điện;

c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn

⁽²⁰⁾ Điều này được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách an toàn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đối với đường dây dẫn điện trên không có điện áp 220 kV, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản này còn phải đáp ứng yêu cầu sau: cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất 01 m và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất 01 m; các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nhà ở, công trình có người sinh sống và làm việc gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp từ 500 kV trở lên phải bảo đảm cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m và các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện 01 lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định;

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương;

c) Nhà, công trình tồn tại trong hành lang nhưng chưa đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét hỗ trợ cải tạo nhằm đáp ứng các điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Trường hợp nhà ở, công trình không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, mà phải dỡ bỏ hoặc di dời thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm gần hành lang bảo vệ an toàn và giữa hai đường dây dẫn điện trên không điện áp 500

kV, có khoảng cách theo phương nằm ngang giữa hai dây dẫn pha ngoài cùng gần nhất của hai đường dây nhỏ hơn hoặc bằng 60 m thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được lựa chọn một trong hai hình thức xử lý sau:

a) Được bồi thường, hỗ trợ di dời như đối với nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn phải giải tỏa theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

b) Nếu không có nhu cầu di dời thì phải có văn bản đề nghị được ở lại gửi Ủy ban nhân dân các cấp nơi có nhà ở, công trình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền để đầu tư xây dựng đường dây 500 kV xây dựng sau và được bồi thường, hỗ trợ do giảm khả năng sử dụng đất như đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chương III AN TOÀN ĐIỆN

Điều 17. Quy định chung về an toàn điện

1. Chủ đầu tư công trình điện lực, đơn vị quản lý vận hành, xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình điện lực và các hoạt động sử dụng điện cho sản xuất có trách nhiệm ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 69 Luật Điện lực, phải tuân thủ các quy định sau về an toàn điện sau:

a) Có đầy đủ nội quy, quy trình, nhật ký vận hành, hồ sơ quản lý về an toàn điện trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

b) Có đầy đủ sơ đồ lưới điện, dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cấm, biển báo về an toàn điện theo quy định;

c) Người lao động được bố trí làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực; kiểm định thiết bị, dụng cụ điện; thí nghiệm, thử nghiệm, xây lắp, bảo trì và sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được đào tạo về nghiệp vụ, kỹ thuật phù hợp yêu cầu ngành nghề và được huấn luyện, cấp thẻ an toàn điện theo quy định của pháp luật;

d) Sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật có liên quan;

đ) Tổ chức hoặc tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về an toàn điện;

e) Thực hiện việc thống kê, báo cáo về sự cố, tai nạn điện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

2. Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành trạm điện có trách nhiệm thực hiện đo, vẽ bản đồ cường độ điện trường theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện. Tại các khu vực có cường độ điện trường từ 5 kV/m trở lên phải áp dụng quy định về thời gian cho phép làm việc trong một ngày làm việc theo quy định.

Điều 18. Biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm đặt biển cấm, biển báo an toàn điện tại các trạm điện, cột điện và các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm với đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và các quy định của pháp luật về đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

2. Các cột điện phải được sơn màu trắng, đỏ từ khoảng chiều cao 50 m trở lên và phải đặt đèn tín hiệu trên đỉnh cột trong các trường hợp sau:

a) Cột điện cao từ 80 m trở lên;

b) Cột điện cao trên 50 m đến dưới 80 m nhưng ở vị trí có yêu cầu đặc biệt.

3. Tại điểm thấp nhất nơi giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không điện áp 220 kV trở lên với đường thủy nội địa, phải có báo hiệu phù hợp để các phương tiện giao thông đường thủy nhận biết được về ban đêm.

4. Trường hợp đường dây dẫn điện trên không nằm trong phạm vi vùng trời lân cận của sân bay việc sơn cột, đặt đèn báo hiệu theo quy định của pháp luật về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không.

5. Dọc theo đường cáp điện ngầm trong đất, chủ công trình phải đặt cột mốc hoặc dấu hiệu nhận biết đường cáp.

6. Đường cáp ngầm đặt trong nước phải có báo hiệu chỉ vị trí đường cáp, theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

7. Hình thức, quy cách biển báo an toàn điện và vị trí treo, lắp biển báo an toàn điện phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện.

Điều 19.⁽²¹⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 20.⁽²²⁾ Khắc phục sự cố, tai nạn điện và chế độ báo cáo về an toàn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, sự cố, tai nạn điện trong quá trình vận hành công trình điện lực.

2. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện, đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý, khắc phục, đánh giá nguyên nhân sự cố hệ thống điện theo quy định của pháp luật, cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm và kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn điện nghiêm trọng đến mức thảm họa thì việc ban bố tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp ứng phó được thực

⁽²¹⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽²²⁾ Điều này được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sự cố, tai nạn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm phân loại sự cố và quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng điện về bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

1. Việc xây dựng, lắp đặt hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về hệ thống điện trong nhà ở, công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện theo quy định pháp luật về điện lực.

2. Khi ký hợp đồng mua bán điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải đăng ký đầy đủ thông tin về hệ thống điện cho bên bán điện như sau:

- a) Tổng nhu cầu công suất sử dụng điện của nhà ở, công trình theo thực tế sử dụng;
- b) Bảng kê các thiết bị và công suất sử dụng điện trong nhà ở, công trình;
- c) Các thiết bị bảo vệ chống quá dòng đối với hệ thống điện trong nhà ở, công trình.

3. Lắp đặt, sử dụng thiết bị, dụng cụ điện phải bảo đảm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tuân thủ hướng dẫn, bảo quản, bảo dưỡng của nhà sản xuất. Trong quá trình sử dụng điện, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống cung cấp điện từ sau công tơ mua điện đến tất cả các dây dẫn, thiết bị điện của mình; tổ chức sửa chữa, thay thế dây dẫn, thiết bị điện không bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng. Khi nhu cầu sử dụng công suất tăng cao hơn so với đăng ký, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải thông báo cho bên bán điện để có phương án cấp điện phù hợp.

4. Khi xảy ra sự cố chập, cháy hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình, tổ chức, cá nhân sử dụng điện có trách nhiệm sau:

- a) Cắt điện, có biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây cháy lan sang đồ vật, trang thiết bị khác trong nhà ở, công trình; thực hiện cứu nạn, cứu hộ;
- b) Kiểm tra nguyên nhân, khắc phục sự cố hệ thống cung cấp điện;
- c) Trường hợp sự cố vượt quá khả năng xử lý của mình, phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng liên quan tại địa phương, bên bán điện và các tổ chức, cá nhân xung quanh để phối hợp xử lý.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị bán điện trong việc bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ

1. Khi ký hợp đồng mua bán điện và cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ phải yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về hệ thống điện trong nhà ở, công trình và nhu cầu sử dụng điện năng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này; có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện các thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và các biện pháp bảo đảm an toàn điện, cụ thể như sau:

a) Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về trách nhiệm đảm bảo an toàn của tổ chức, cá nhân sử dụng điện theo quy định của Luật Điện lực và Điều 21 Nghị định này;

b) Việc trao đổi thông tin đến tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải được quy định trong hợp đồng mua bán điện và không giới hạn bởi các hình thức như bằng văn bản, bằng ứng dụng trực tuyến và các phương tiện thông tin khác.

2. Ứng dụng công nghệ số trong việc thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện về nguy cơ mất an toàn điện trong quá trình sử dụng điện:

a) Triển khai, cung cấp các ứng dụng công nghệ số để kịp thời gửi thông tin đến tổ chức, cá nhân sử dụng điện khi có sự cố trên lưới điện do đơn vị điện lực quản lý hoặc nguy cơ sự cố do bão;

b) Ứng dụng công nghệ số trong công tác xây dựng tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng điện an toàn cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện.

3. Định kỳ hàng năm chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về điện lực các cấp, Ủy ban nhân dân “**cấp xã**”⁽²³⁾, đơn vị truyền thông tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn.

4. Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị bán điện có trách nhiệm phối hợp kiểm tra an toàn hệ thống điện của tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn, trường hợp phát hiện có nguy cơ mất an toàn phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn hoặc ngừng cung cấp điện theo quy định.

Chương IV **HUẤN LUYỆN, SÁT HẠCH, XẾP BẠC, CẤP THẺ AN TOÀN ĐIỆN**

Điều 23.⁽²⁴⁾ Huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện

1. Người trực tiếp làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực, thí nghiệm, xây lắp, sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện.

⁽²³⁾ Cụm từ “**cấp huyện**” được thay thế bằng cụm từ “**cấp xã**” được quy định tại điểm o khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽²⁴⁾ Điều này được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

2. Hoạt động huấn luyện an toàn điện được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định. Nội dung huấn luyện gồm huấn luyện lý thuyết và huấn luyện thực hành.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch an toàn điện cho người lao động. Sau khi có kết quả sát hạch đạt yêu cầu, người sử dụng lao động cấp thẻ an toàn điện cho người lao động.

4. Người sử dụng lao động tiến hành cấp lại thẻ an toàn điện trong trường hợp người lao động làm mất, làm hỏng thẻ.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định các nội dung huấn luyện, tổ chức huấn luyện, sát hạch, Bậc an toàn điện, những công việc được làm theo bậc an toàn điện và Thẻ an toàn điện.

Điều 24.⁽²⁵⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 25.⁽²⁶⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 26.⁽²⁷⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 27.⁽²⁸⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 28.⁽²⁹⁾ (Đã được bãi bỏ)

Điều 29.⁽³⁰⁾ (Đã được bãi bỏ)

Chương V **AN TOÀN CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Điều 30. Phân loại công trình thủy điện

Công trình thủy điện được phân loại để phục vụ công tác quản lý, vận hành bảo đảm an toàn công trình:

1. Công trình thủy điện quan trọng đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đập có chiều cao từ 100 m trở lên hoặc công trình có hồ chứa quy định tại điểm b, điểm c khoản này;
- b) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 1.000.000.000 m³ trở lên;
- c) Hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000.000 m³ đến dưới

⁽²⁵⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽²⁶⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽²⁷⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽²⁸⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽²⁹⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽³⁰⁾ Điều này được bãi bỏ tại điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

1.000.000.000 m³ mà vùng hạ du đập là thành phố, “**đô thị**”⁽³¹⁾, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

d) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy trên 1000 MW.

2. Công trình thủy điện lớn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc công trình có hồ chứa nước quy định tại điểm c khoản này;

b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s;

c) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy từ trên 50 MW đến 1000 MW.

3. Công trình thủy điện vừa thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa thủy điện quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³;

c) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy từ trên 30 MW đến 50 MW.

4. Công trình thủy điện nhỏ thuộc một trong các trường hợp sau

a) Đập có chiều cao từ 5 m đến dưới 10 m;

b) Hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ 50.000 m³ đến dưới 500.000 m³;

c) Nhà máy thủy điện có công suất lắp máy từ 30 MW trở xuống.

5. Thẩm quyền quyết định danh mục công trình thủy điện

a)⁽³²⁾ (**Đã được bãi bỏ**)

b)⁽³³⁾ Bộ Công Thương quyết định danh mục công trình thủy điện loại quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện loại lớn, vừa, nhỏ được xây dựng trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục công trình thủy điện trên địa bàn, trừ công trình thủy điện quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 31. Phân cấp công trình thủy điện

Công trình thủy điện được phân cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thủy điện và phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng nhằm phục vụ công

⁽³¹⁾ Cụm từ “**thị xã**” được thay thế thành “**đô thị**” được quy định tại điểm m khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽³²⁾ Điểm này được bãi bỏ tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽³³⁾ Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

tác thiết kế, thi công, xây dựng, quan trắc, kiểm định an toàn, bảo trì, bảo dưỡng công trình thủy điện.

Điều 32. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về điện lực, tài nguyên nước, pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quy trình vận hành liên hồ chứa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ đầu tư công trình thủy điện lập quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước lần đầu và bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện, các cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, tài nguyên nước và phòng, chống thiên tai;

3. Nội dung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Cơ sở pháp lý để lập quy trình, nguyên tắc vận hành công trình, thông số kỹ thuật chủ yếu, nhiệm vụ công trình;

b) Quy định quy trình vận hành cửa van (nếu có); quy định cụ thể về vận hành hồ chứa thủy điện trong mùa lũ, mùa kiệt trong trường hợp bình thường và trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm nguồn nước và trong tình huống khẩn cấp;

c) Quy định chế độ quan trắc, cung cấp thông tin về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định;

d) Công tác cảnh báo khi vận hành cửa xả trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, cảnh báo khi vận hành phát điện bao gồm: Quy định khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước khi vận hành mở cửa xả đầu tiên; tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành các cửa xả; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo đóng/mở cửa xả;

đ) Vận hành hồ chứa đảm bảo quy định về dòng chảy tối thiểu (nếu có);

e) Quy định trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện, các tổ chức cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện;

g) Quy định về tổ chức thực hiện và trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Trách nhiệm thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã được cấp thẩm quyền phê duyệt:

a) Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm: vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, quy trình vận hành liên hồ chứa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn công trình thủy điện, tài nguyên nước; ghi chép hoạt động vận hành hồ chứa thủy điện vào nhật ký vận hành dưới hình thức bản giấy, bản điện tử hoặc phần mềm chuyên dụng khác do chủ sở hữu công trình quyết định;

b) Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm: công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn công trình thủy điện, tài nguyên nước; tổ chức kiểm tra, giám sát đơn vị quản lý vận hành thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện thuộc phạm vi quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

d) Trưởng Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa và quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp đối với công trình thủy điện trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao; báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương;

đ) Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện theo thẩm quyền quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của bộ;

e) Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo công tác phòng, chống lũ, ngập lụt vùng hạ du đập theo thẩm quyền và trách nhiệm được giao; chỉ đạo, hỗ trợ các biện pháp ứng phó với tình huống khẩn cấp trong trường hợp vượt quá khả năng của bộ, ngành, địa phương.

Điều 33. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (bản chính);

b) Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo Mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này (bản dự thảo đóng dấu giáp lai);

c) Báo cáo thuyết minh và phụ lục kết quả tính toán kỹ thuật (bản chính);

d) Mặt bằng tổng thể công trình thủy điện và các bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính thể hiện công trình, hạng mục công trình (đập, hồ chứa thủy điện, nhà máy, tuyến năng lượng) (bản sao y);

đ) Văn bản góp ý kiến của các tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành công trình đập, hồ chứa nước trên cùng lưu vực (bản sao y);

e) Báo cáo thẩm tra kết quả tính toán quy trình vận hành hồ chứa thủy điện (nếu có) (bản sao y);

g) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (bản sao y).

2. ⁽³⁴⁾ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

a) Bộ Công Thương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương, cơ quan thẩm định lấy ý kiến tổ chức có liên quan; trình cấp thẩm quyền lấy ý kiến các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định lấy ý kiến Ủy ban nhân dân **“cấp xã”**⁽³⁵⁾, tổ chức liên quan;

c) Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

5. Cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành, chủ sở hữu có trách nhiệm công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên cổng thông

⁽³⁴⁾ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽³⁵⁾ Cụm từ **“cấp huyện”** được thay thế bằng cụm từ **“cấp xã”** được quy định tại điểm o khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt, chủ sở hữu, trụ sở đơn vị quản lý vận hành và Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện:

a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt bao gồm các tài liệu theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

b) ⁽³⁶⁾ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo trình tự tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

c) Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy trình hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.

7.⁽³⁷⁾ Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày quy trình vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành trình cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng quy trình vận hành đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.

Điều 34. Phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

1. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp và tổ chức thực hiện phương án sau khi được phê duyệt.

2. Nội dung phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

a) Kịch bản vận hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập;

b) Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập:

Bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập được xây dựng và công bố và bàn giao cho chủ sở hữu công trình thủy điện theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Tại các khu vực chưa được cơ quan thẩm quyền phê duyệt và công bố bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, Chủ đầu tư công trình thủy điện có trách nhiệm khảo sát, tính toán, để xác định phạm vi vùng hạ du đập bị ảnh hưởng và mức độ ngập lụt vùng hạ du đập khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập phục vụ việc xây dựng phương án ứng phó tình huống khẩn cấp.

c) Các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; dự kiến và kế hoạch ứng phó;

d) Thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng theo các kịch bản;

⁽³⁶⁾ Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽³⁷⁾ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 9 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

đ) Quy định về chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng;

e) Kế hoạch ứng phó phù hợp với từng tình huống lũ, ngập lụt ở vùng hạ du công trình;

g) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;

h) Trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt (bản chính);

b) Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo mẫu phương án tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này (bản dự thảo đóng dấu giáp lai);

c) Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật (bản sao y);

d) Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (bản sao y);

đ) Các tài liệu liên quan khác kèm theo (bản sao y).

4.⁽³⁸⁾ Cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.

5.⁽³⁹⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án ứng phó tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp.

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho chủ sở hữu công trình và thông báo bằng văn bản lý do trả hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định phương án. Trường hợp đủ điều kiện thì

⁽³⁸⁾ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 10 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽³⁹⁾ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 10 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu công trình để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

c) Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.

7. Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Đối với phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về phòng chống thiên tai, tài nguyên nước, thủy lợi cấp tỉnh ở hạ du, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du có liên quan và các tổ chức khác có liên quan;

b)⁽⁴⁰⁾ (Đã được bãi bỏ)

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp.

8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp:

a) Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm tài liệu theo điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 5 Điều này có trách nhiệm thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo khoản 6, khoản 7 Điều này.

9.⁽⁴¹⁾ Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc khi phương án ứng phó tình huống khẩn cấp không còn phù hợp, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.

Điều 35. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm lập, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện và tổ chức thực hiện phương án sau khi được phê duyệt.

2. Nội dung phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình. chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;

⁽⁴⁰⁾ Điểm này được bãi bỏ tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁴¹⁾ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 10 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

- b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;
- c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;
- d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;
- đ) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ công trình thủy điện, trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ;
- e) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;
- g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của công trình thủy điện;
- h) Bảo vệ, xử lý khi công trình thủy điện xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;
- i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;
- k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án:

Chủ sở hữu công trình thủy điện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, độ tin cậy, chính xác của các tài liệu sử dụng trong hồ sơ phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Hồ sơ bao gồm:

- a) Báo cáo thuyết minh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bản vẽ tổng mặt bằng công trình và các hạng mục công trình cần bảo vệ;
- c) Các tài liệu khác có liên quan.

3a.⁽⁴²⁾ Thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực.

4.⁽⁴³⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.⁽⁴⁴⁾ Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện

⁽⁴²⁾ Khoản này được bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁴³⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁴⁴⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại điểm c khoản 11 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận xem xét, kiểm tra; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện để hoàn chỉnh theo quy định;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị phê duyệt để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Cơ quan thẩm quyền phê duyệt có trách nhiệm phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt của cơ quan thẩm định.

6.⁽⁴⁵⁾ Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định có trách nhiệm như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh. Trường hợp công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

7. Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này.

8.⁽⁴⁶⁾ Trong thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc khi phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện không còn phù hợp, chủ sở hữu công trình thủy điện phải rà soát, điều chỉnh phương án trình cơ quan thẩm quyền được quy định tại khoản 3a Điều này để xem xét phê duyệt điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện hoặc đề xuất cho phép tiếp tục sử dụng phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đã được phê duyệt trong trường hợp không có nội dung điều chỉnh, bổ sung.

Điều 36. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm công trình đập, hồ chứa, tuyến năng lượng, nhà máy, trạm điện, các công trình phụ trợ khác và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện, các hoạt động phải đảm bảo không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

3. Vùng phụ cận được quy định như sau:

⁽⁴⁵⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại điểm d khoản 11 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁴⁶⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại điểm đ khoản 11 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

a) Vùng phụ cận của tuyến đập có phạm vi được tính từ chân đập trở ra. Đối với đập cấp đặc biệt tối thiểu là 300 m; đập cấp I tối thiểu là 200 m; đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m;

b) Vùng phụ cận của tuyến năng lượng:

- Trường hợp nhà máy thủy điện dạng sau đập, lòng sông, vùng phụ cận của tuyến năng lượng được quy định như tại mục a khoản này.

- Trường hợp nhà máy thủy điện dạng đường dẫn hở từ cửa lấy nước đến hết kênh ra nhà máy thủy điện, vùng phụ cận của tuyến năng lượng được tính từ biên mái đào hoặc mái đắp trở ra tối đa là 5 m.

- Trường hợp các nhà máy thủy điện dạng hầm dẫn nước có cửa lấy nước, tháp điều áp hở, đường ống áp lực hở, nhà máy thủy điện, kênh ra nhà máy thủy điện thì vùng phụ cận của tuyến năng lượng được tính từ biên mái đào trở ra tối đa là 5 m.

c) Vùng phụ cận của lòng hồ chứa thủy điện có phạm vi được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ, không bao gồm phần diện tích mặt hồ;

d) Phạm vi bảo vệ đối với trạm điện, nhà máy thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này.

4. Công trình thủy điện khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

5.⁽⁴⁷⁾ Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và bảo đảm kinh phí cắm mốc, bảo trì mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện. Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy điện bao gồm, mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện và mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện.

a) Việc cắm mốc chỉ giới bảo vệ đập thủy điện thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Mốc chỉ giới bảo vệ hồ chứa thủy điện được xác định là mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

6. Tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lòng hồ thủy điện phải thực hiện các yêu cầu bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện và không được phép xâm phạm phạm vi bảo vệ đập thủy điện.

Điều 37. Phương án tích nước lần đầu

1. Trước khi phê duyệt phương án tích nước lần đầu, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, tài nguyên nước, lâm nghiệp, bảo vệ môi trường. Ngoài ra, chủ sở hữu công trình

⁽⁴⁷⁾ Bổ sung khoản 5 và khoản 6 tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

thủy điện tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn công trình thủy điện như sau:

- a) Hạng mục công trình, công trình tích nước đã được cơ quan quản lý nhà nước có văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng;
- b) Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Hoàn thành đầu tư, lắp đặt thiết bị cảnh báo vận hành xả nước, camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin trực tiếp về các cơ quan quản lý về phòng chống thiên tai, công thương, tài nguyên nước;
- d) Có hệ thống bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ du tuân thủ quy định của pháp luật về tài nguyên nước;
- đ) Hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ đầu tư công trình thủy điện có trách nhiệm lập, phê duyệt phương án tích nước lần đầu theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này gửi đến Cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn trước 10 ngày kể từ ngày tích nước lần đầu.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tích nước lần đầu của chủ đầu tư. Trường hợp phát hiện phương án tích nước lần đầu do chủ đầu tư công trình thủy điện phê duyệt không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì có văn bản yêu cầu chủ đầu tư dừng triển khai việc tích nước và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Trách nhiệm kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Chủ sở hữu công trình thủy điện lập và gửi bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đưa vào khai thác;

b) Công trình thủy điện đang khai thác khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng; thay đổi chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện phải điều chỉnh bản kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy điện và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi.

2. Tờ khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VII Nghị định này.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

Điều 39. Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu đập thủy điện có trách nhiệm lắp đặt thiết bị quan trắc công

trình đập, hồ chứa thủy điện theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện

a) Quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công trình có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để theo dõi liên tục tình trạng an toàn, ổn định của công trình;

b) Phân tích, đánh giá, xử lý số liệu quan trắc; phát hiện dấu hiệu bất thường để kịp thời xử lý; lưu trữ tài liệu quan trắc theo quy định;

c) Báo cáo chủ sở hữu công trình thủy điện kết quả quan trắc.

3. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình thủy điện

a) Trên cơ sở phân tích số liệu quan trắc công trình đập, hồ chứa thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lập và thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng công trình đập, hồ chứa thủy điện theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

b) Định kỳ tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị quan trắc và có phương án sửa chữa, thay thế kịp thời các thiết bị hỏng hoặc không bảo đảm chất lượng.

Điều 40. Quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho công trình đập, hồ chứa thủy điện.

2. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện phải thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

3. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng

a) Đối với công trình thủy điện có cửa van điều tiết lũ, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa;

b) Đối với công trình thủy điện lớn có tràn tự do, phải quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả;

c) Đối với công trình thủy điện vừa có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, tính toán lưu lượng xả; khuyến khích áp dụng các quy định khác tại điểm b khoản này;

d) Đối với công trình thủy điện nhỏ có tràn tự do, phải quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn.

4. Chế độ quan trắc

a) Đối với đập, hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ

và 19 giờ trong mùa lũ; trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế;

b) Đối với các đập, hồ chứa nước có tràn tự do: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

5. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và cập nhật lên trang thông tin điện tử của đơn vị quản lý công trình thủy điện theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn và theo quy định sau:

a) Công trình thủy điện có cửa van điều tiết lũ và đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ sở hữu; cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có công trình thủy điện, vùng hạ du đập; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương theo phạm vi quản lý của bộ; Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia trong tình huống khẩn cấp;

b) Công trình thủy điện vừa và nhỏ có tràn tự do: Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho chủ sở hữu công trình, cơ quan quản lý nhà nước về thủy điện, cơ quan phòng chống thiên tai các cấp nơi có công trình thủy điện, vùng hạ du đập.

6. Cung cấp thông tin, báo cáo

a) Việc cung cấp thông tin, báo cáo được thực hiện theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện (ICOM) hoặc các hình thức khác;

b) Văn bản phải được gửi đến chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình thủy điện để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

Điều 41. Kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Kiểm định lần đầu thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước vào công trình hoặc hồ chứa đạt đến mực nước dâng bình thường.

2. Kiểm định định kỳ 5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất.

3. Kiểm định đột xuất

a) Khi phát hiện có hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn cho đập, hồ chứa thủy điện;

b) Khi cần có cơ sở để quyết định kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với đập, hồ chứa thủy điện hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc sửa chữa, nâng cấp đập, hồ chứa thủy điện;

c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm định đột xuất

a) Bộ Công Thương quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa thủy điện được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kiểm định đột xuất đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản này.

5.⁽⁴⁸⁾ Nội dung kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy điện

a) Đối với công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện lớn: Kiểm tra, phân tích tài liệu, số liệu quan trắc đập, hồ chứa thủy điện; khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và dòng chảy lũ cập nhật; đánh giá an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện (bao gồm: đánh giá an toàn và ổn định công trình theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành); đánh giá công tác quản lý vận hành công trình.

b) Đối với công trình thủy điện vừa, nhỏ: Khảo sát, thăm dò ẩn họa, khuyết tật công trình; kiểm tra tình trạng sạt lở, bồi lắng lòng hồ chứa thủy điện; kiểm tra khả năng xả lũ của hồ chứa thủy điện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành và dòng chảy lũ cập nhật; đánh giá an toàn của công trình, hồ chứa thủy điện (bao gồm: đánh giá an toàn và ổn định công trình theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành); đánh giá công tác quản lý vận hành công trình.

c) Xác định đặc trưng vật liệu của kết cấu công trình hiện tại, bao gồm các đặc trưng vật liệu của kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, vật liệu địa phương và nền móng, trên cơ sở số liệu quan trắc hoặc khảo sát bổ sung (nếu cần);

d) Cập nhật dòng chảy lũ, thông số động đất và thông số đặc tính hồ chứa (đối với hồ chứa có nhiệm vụ điều tiết);

đ) Đánh giá tình trạng hoạt động của các thiết bị quan trắc đập;

e) Dự báo các thông số và các chỉ tiêu quan trắc để làm cơ sở cho giám sát an toàn và lập Báo cáo an toàn định kỳ hàng năm

g) Kiến nghị các vấn đề cần tiếp tục xem xét liên quan đến an toàn đập.

6. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm tổ chức kiểm định, phê duyệt đề cương và kết quả kiểm định theo quy định của pháp luật; Báo cáo kết quả kiểm định gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Điều 42. Bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa công trình và thiết bị

1. Công trình thủy điện phải được bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng,

⁽⁴⁸⁾ Khoản 5 và khoản 6 Điều 41 được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Công trình, hồ chứa thủy điện phải được sửa chữa, nâng cấp để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du trước mùa mưa hàng năm trong các trường hợp sau:

- a) Bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo an toàn;
- b) Thiếu khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;
- c) Có nguy cơ xảy ra hiện tượng sạt lở, bồi lấp lòng hồ chứa thủy điện.

3. Khuyến khích lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho công trình và vùng hạ du đối với đập, hồ chứa nước vừa, nhỏ có tràn tự do.

4. Chủ sở hữu công trình thủy điện chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí bảo trì sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa, lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, lập và thực hiện quy trình bảo trì công trình, cảnh báo an toàn cho đập, hồ chứa nước và vùng hạ du.

Điều 43. Kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Kiểm tra thường xuyên, quan sát trực quan tại hiện trường để nắm bắt kịp thời hiện trạng công trình, hồ chứa thủy điện;

b) Trước mùa mưa hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện;

c) Sau mùa mưa hàng năm, phải kiểm tra, đánh giá nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng của công trình, hồ chứa thủy điện; rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp;

d) Ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình thủy điện phải kiểm tra đánh giá hiện trạng an toàn công trình, hồ chứa thủy điện;

đ) Trường hợp phát hiện công trình, hồ chứa thủy điện có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay cho chủ sở hữu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện.

2.⁽⁴⁹⁾ Nội dung kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

- a) Đánh giá tình hình và dự báo khí tượng thủy văn;

⁽⁴⁹⁾ Khoản 2 và khoản 3 Điều 43 được sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

b) Kiểm tra, đánh giá an toàn đập: Kiểm tra bằng trực quan và tổng hợp, phân tích số liệu quan trắc đập để đánh giá tình trạng nứt, biến dạng, chuyển vị, ổn định; tình trạng thấm, rò rỉ;

c) Kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống vận hành: tình trạng hoạt động của cửa van, máy đóng mở, thiết bị nâng hạ cửa van, hệ thống giám sát vận hành; tình trạng hệ thống điện vận hành;

d) Đánh giá kết quả thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa hằng năm;

đ) Đánh giá hiện trạng hồ chứa thủy điện, tình hình sạt lở, tái tạo bờ và các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện;

e) Đánh giá kết quả thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm định đập, hồ chứa thủy điện và yêu cầu của các cấp thẩm quyền;

g) Đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa công trình hằng năm.

3. Chế độ báo cáo an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước và sau mùa mưa lũ hằng năm

a) Trước mùa mưa lũ hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời gian mùa mưa lũ hằng năm tại các khu vực được xác định theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai và khí tượng thủy văn;

b) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện thực hiện báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. Thời hạn chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, trên cơ sở báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị này gửi Bộ Công Thương;

d) Khi xảy ra tình huống khẩn cấp, sự cố có nguy cơ gây mất an toàn cho công trình đầu mối, Chủ sở hữu công trình thủy điện trực tiếp hoặc giao đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy điện báo cáo ngay Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn và cơ quan phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa theo quy định.

Điều 44. Lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống thông tin, cảnh báo an toàn vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập và vùng hạ du đập đáp ứng quy định sau:

a) Lắp đặt hệ thống còi hụ tại đập tràn và khu vực hạ lưu nhà máy đối với các nhà máy ở cách xa đập tràn từ 500 m trở lên;

b) Lắp đặt các trạm cảnh báo tại khu vực có dân cư sinh sống phía hạ du công trình thủy điện trong phạm vi tối thiểu 15 km tính từ đập xuống phía hạ du hoặc phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương đề cảnh báo qua cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin truyền thanh của các địa phương ở vùng hạ du;

c) Hệ thống thông tin, cảnh báo an toàn phải được trang bị nguồn điện dự phòng để bảo đảm vận hành tối thiểu 24 giờ sau khi mất nguồn điện chính.

2. Các trường hợp thực hiện cảnh báo và nội dung cảnh báo

a) Trường hợp cảnh báo đối với xả lũ qua đập tràn có cửa van khi: Mở cửa van đầu tiên; tăng/giảm lưu lượng xả qua 01 cửa van; khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình; đóng hoàn toàn cửa van cuối cùng;

b) Trường hợp cảnh báo đối với đập tràn tự do: Khi nước bắt đầu hay kết thúc chảy tràn qua đập tràn;

c) Trường hợp cảnh báo đối với vận hành phát điện khi: Bắt đầu vận hành phát điện tổ máy đầu tiên; dừng hoàn toàn phát điện.

3. Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự “**cấp xã**”⁽⁵⁰⁾ và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về nội dung lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo an toàn vận hành. Các nội dung thống nhất gồm:

a) Vị trí lắp đặt;

b) Trang thiết bị cảnh báo lắp đặt tại từng vị trí;

c) Những trường hợp phải cảnh báo;

d) Thời điểm cảnh báo;

đ) Hình thức cảnh báo;

e) Quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cảnh báo.

4. Bộ Công Thương quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện và vận hành xả lũ tại khoản 1 Điều này.

Điều 45. Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin dữ liệu trực tuyến theo quy

⁽⁵⁰⁾ Cụm từ “**cấp huyện**” được thay thế bằng cụm từ “**cấp xã**” được quy định tại điểm o khoản 19 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

định của pháp luật về tài nguyên nước và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

b) Lắp đặt cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự để xác định được mực nước hạ lưu đập; trường hợp hạ lưu đập có trạm quan trắc khí tượng thủy văn thì được phép khai thác thông tin mực nước hạ du từ trạm quan trắc này thay cho cột thủy chí hoặc trang thiết bị có tính năng tương tự cột thủy chí.

2.⁽⁵¹⁾ Tùy thuộc vào vị trí công trình thủy điện và địa hình vùng hạ du đập thủy điện, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu công trình thủy điện về vị trí lắp đặt hệ thống thông tin, cảnh báo vận hành phát điện, vận hành xả lũ cho đập.

Điều 46. Lưu trữ hồ sơ công trình thủy điện

1. Việc lập, lưu trữ hồ sơ liên quan đến đầu tư, xây dựng, nghiệm thu công trình thủy điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, xây dựng.

2. Việc lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý an toàn công trình thủy điện, chủ sở hữu và đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm:

a) Lưu trữ các hồ sơ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và hồ sơ liên quan đến công tác quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b) Hình thức lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và phải có hồ sơ lưu trữ bằng bản điện tử.

Điều 47. Nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm bố trí nhân sự làm công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện có chuyên môn phù hợp với các yêu cầu sau:

a) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt, phải có ít nhất 03 người có trình độ đại học thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, có thâm niên quản lý, vận hành đập, hồ chứa thủy điện 05 năm trở lên;

b) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện lớn có ít nhất 02 người có trình độ đại học thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, có thâm niên quản lý, vận hành công trình, hồ chứa thủy điện từ 03 năm trở lên;

c) Đối với công trình, hồ chứa thủy điện vừa và nhỏ có ít nhất 01 người có trình độ đại học hoặc 02 người có trình độ cao đẳng thuộc chuyên ngành xây dựng, công trình thủy hoặc tương đương, có thâm niên quản lý, vận hành công trình, hồ chứa thủy điện từ 02 năm trở lên.

2. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm

⁽⁵¹⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng định kỳ kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện cho người làm công tác an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc phạm vi quản lý tối thiểu 2 năm 1 lần.

3.⁽⁵²⁾ **(Đã được bãi bỏ).**

4. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện bao gồm:

- a) Quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;
- b) Tổ chức thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp;
- c) Các biện pháp quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn công trình thủy điện theo quy định của pháp luật.

5.⁽⁵³⁾ **(Đã được bãi bỏ).**

6.⁽⁵⁴⁾ Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khung tài liệu bồi dưỡng, hình thức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Điều 48. Trách nhiệm kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa mưa hàng năm

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện quan trọng đặc biệt và công trình thủy điện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả kiểm tra.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện của chủ sở hữu công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình thủy điện quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo Bộ Công Thương kết quả kiểm tra.

3. Cơ quan thẩm quyền kiểm tra quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Nội dung yêu cầu về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện

1. Trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và bảo đảm các yêu cầu về an toàn công trình thủy điện sau:

- a) Tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, tài

⁽⁵²⁾ Khoản này đã được bãi bỏ tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁵³⁾ Khoản này đã được bãi bỏ tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁵⁴⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

nguyên nước, đất đai, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật;

b) Không được ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ đập thủy điện; có biện pháp triệt tiêu nguy cơ xâm phạm vào phạm vi bảo vệ đập, cửa nhận nước của công trình thủy điện;

c) Không gây sạt lở bờ hồ thủy điện, làm bồi lắng lòng hồ, tác động đến trầm tích đáy hồ chứa thủy điện;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện trong công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

2. Cơ quan có thẩm quyền khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc cấp phép cho các dự án, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện theo quy định pháp luật có trách nhiệm xem xét yếu tố ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy điện và lấy ý kiến bằng văn bản của chủ sở hữu công trình thủy điện, Sở Công Thương các tỉnh có liên quan về tác động của dự án, hoạt động xin cấp phép đối với công trình thủy điện và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có biện pháp bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi triển khai các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm tuân thủ các quy định về an toàn công trình, hồ chứa thủy điện và thông báo bằng văn bản đến tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện về các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện và phối hợp với các tổ chức quản lý, vận hành công trình thủy điện trong quá trình vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô.

5. Công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy điện phải thực hiện các giải pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

Điều 50. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện để quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin thủy điện trên phạm vi toàn quốc được Nhà nước bảo đảm kinh phí vận hành.

2. Các thành phần cơ bản của hệ thống:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng Internet, mạng máy tính, thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ;

b) Cơ sở dữ liệu vận hành công trình thủy điện bao gồm các trường thông

tin chính: Thông số kỹ thuật chính của công trình thủy điện; Mức nước hồ, mực nước hạ lưu sau đập; lưu lượng xả qua nhà máy; lưu lượng xả qua tràn; lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu;

c) Phần mềm của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện.

3. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thủy điện:

a) Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thủy điện phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và các pháp luật khác có liên quan;

b) Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện quyết định việc phân quyền truy cập khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

c) Cơ quan quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện không được chia sẻ, cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin mang tính cá nhân của người sử dụng trừ trường hợp phục vụ hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện:

a) Bộ Công Thương xây dựng hạ tầng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện; thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; tổ chức điều tra, thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu thông tin điện lực; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu để cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng; quản lý sử dụng và cung cấp dữ liệu theo cấp độ chia sẻ dữ liệu; bảo đảm kinh phí xây dựng, nâng cấp, vận hành của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện từ ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Sở Công Thương các tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp, chia sẻ, cập nhật các thông tin, dữ liệu về thủy điện quy định của Nghị định này vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

c) Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm cập nhật thông tin, số liệu về vận hành công trình thủy điện vào Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

d) Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từng bước tích hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện cùng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước để phục vụ chung cho công tác quản lý nhà nước về thủy điện, tài nguyên nước, thủy lợi và phòng chống thiên tai.

5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện;

c) Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền;

d) Thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện; phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện;

e) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

g) Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì việc thẩm định và công bố các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn điện; an toàn công trình thủy điện theo đề nghị của Bộ Công Thương.

3. Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng, ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện trong nhà ở, công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

b) Xây dựng và ban hành quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện; Tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn trong sử dụng điện;

c) Thẩm định, phê duyệt hoặc phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện,

phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện theo thẩm quyền quản lý;

d)⁽⁵⁵⁾ Xây dựng và ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền trên đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình điện lực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

đ) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp công trình xây dựng lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, phạm vi bảo vệ các hạng mục xây dựng của công trình điện lực;

e) Hướng dẫn, tuyên truyền phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện trên địa bàn;

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về bảo vệ công trình điện lực, an toàn điện và an toàn công trình thủy điện trên địa bàn;

h) Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

i) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

6.⁽⁵⁶⁾ (Đã được bãi bỏ)

7. Trường hợp Luật Tổ chức Chính phủ thay đổi tên gọi của các bộ, cơ quan ngang bộ thì các bộ mới tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ tương ứng của các bộ được giao theo Nghị định này.

Điều 52.⁽⁵⁷⁾ Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi phê duyệt lại.

2. Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục

⁽⁵⁵⁾ Khoản này được sửa đổi bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁵⁶⁾ Khoản này bãi bỏ được quy định tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2026, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026

⁽⁵⁷⁾ Điều 2 Nghị định số /2026/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thẩm định, phê duyệt theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.”

được thẩm định, ban hành theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

3. Đối với các công trình thủy điện nhỏ có đập cao từ 5 m đến dưới 10 m hoặc có dung tích hồ chứa từ 50.000 m³ đến dưới 500.000 m³ đã đi vào hoạt động trước ngày có hiệu lực của Nghị định này, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm lập, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trong thời gian tối đa 2 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

4. Đối với công trình thủy điện nhỏ có đập cao dưới 5 m hoặc hồ chứa có dung tích dưới 50.000 m³, chủ đầu tư công trình thủy điện có trách nhiệm tự phê duyệt và chịu trách nhiệm về quy trình vận hành, phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp và các biện pháp quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện và vùng hạ du đập phù hợp với quy định của pháp luật về điện lực và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Các tổ chức, cá nhân khi triển khai dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trước ngày có hiệu lực của Nghị định này phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn đập, hồ chứa thủy điện tại khoản 1 Điều 47 Nghị định này mới được phép tiếp tục hoạt động.

Điều 53.⁽⁵⁸⁾ Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Nghị định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

b) Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

Điều 54. Tổ chức thực hiện

⁽⁵⁸⁾ Điều 3 Nghị định số /2026/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026 (sau 45 ngày kết từ ngày ký ban hành)

2. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, cụm từ tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 7; khoản 4 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 10; điểm b, d khoản 2 Điều 12; khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 16; khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 17; khoản 7 Điều 18; khoản 3 Điều 25; khoản 5 Điều 28; khoản 5 Điều 29; khoản 4 Điều 31; khoản 3 Điều 33.

b) Bỏ cụm từ “Bộ Công Thương” tại điểm c khoản 4 Điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Bỏ cụm từ “thủy điện, hồ chứa thủy điện” tại khoản 5 Điều 8; khoản 3 Điều 11; điểm b khoản 6 Điều 17;

d) Bỏ cụm từ “Sở Công Thương báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương” tại khoản 5 Điều 13”

1. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định này và rà soát các văn bản đã ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định tại Nghị định này để có hiệu lực đồng thời với Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cục KTVB & XLVPHC;
- Lưu: VT, CN (2b).

Lê Minh Hưng